TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 15/2024/QĐST-DS	*Lấp Vò, ngày 04 tháng 03 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 02 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 362/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Cao Thị U, sinh năm: 1955; Địa chỉ: Số ấp TB, xã TKT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp;

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm; 1967;

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1966;

Cùng địa chỉ: Số , ấp TB, xã TKT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Nguyên đơn bà Cao Thị U yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi trong dây hụi 1.000.000 đồng, khui mỗi tháng 01 lần do nguyên đơn là bà Cao Thị U làm chủ, ngày khởi khui 25/01/2018 âm lịch, được hai bên tổng kết số tiền là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) để chấm dứt quyền nghĩa vụ của hai bên trong dây hụi này. Bà Út không yêu cầu bà D, ông H có nghĩa vụ trả tiền lãi.

- Bị đơn là bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn H đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể bà D, ông H đồng ý có nghĩa vụ trả cho bà Cao Thị U số tiền nợ hụi trong dây hụi 1.000.000 đồng, khui mỗi tháng 01 lần do nguyên đơn là bà Cao Thị U làm chủ, ngày khởi khui 25/01/2018 âm lịch, được hai bên tổng kết số tiền là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) để chấm dứt quyền nghĩa vụ của hai bên trong dây hụi này.

- Về án phí:

Bà Cao Thị U tự nguyện chịu 175.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng do bà Cao Thị U là người cao tuổi có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm và được chấp nhận nên bà Cao Thị U được miễn toàn bộ phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn H tự nguyện chịu 175.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (Q).

THẨM PHÁN

Đã ký

Hà Thị Mỹ Xuân

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 09a:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2012/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2012/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, địa vị pháp lý trong vụ án, địa chỉ của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm (ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03-12-2012 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao).

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).